TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 21 - 5 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hài và ông Nguyễn Văn Liễu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nay N3, sinh năm 2000 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; Dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor L và bà Nay H'Đ; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân xấu: Ngày 06/8/2019, bị Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 123/QĐ-XPVPHC về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác với mức phạt số tiền 3.500.000 đồng, ngày 13/9/2019 đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/12/2024 giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lương Văn D, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn B, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh R'Ô Q, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn K, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Trần Xuân L1, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

+ Anh Châu Thành T, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Anh Ksor N1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Anh A N2, sinh năm 2002. Có mặt.

Nơi cư trú: Làng P, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

+ Ông Kpă D1, sinh năm 1977. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Ksor T1, sinh năm 1999. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trương Phạm Minh T2, sinh năm 1985. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Phạm Minh L2, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Nay Dăm T3, sinh năm 1986. Có mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19/8/2024, Ksor T1, Kpă R1, Nay N3, R'Ô Q ăn nhậu cùng nhau tại khu vực Nhà văn hóa Thị trấn P. Đến 19 giờ cùng ngày thì Ksor T1 điều khiển xe mô tô chở Kpă R1 về nhà ở tổ dân phố E, thị trấn P còn Nay N3 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát: 81AM-038.50 chở R'Ô Q đi theo sau, khi đến ngã tư đường L và K, Nay N3 thấy anh Trương Phạm Minh T2 đang đi bộ cùng chị L3 (bạn anh T2) cách lán trại công trình xây dựng anh T2 ở khoảng 100m. Nay N3 biết anh T2 vì trước đây Nay N3 và anh T2 cùng đi làm công cho anh Trần Xuân L1. Nhớ lại mâu thuẫn hồi còn làm chung, Nay N3 dừng xe trên đường và nói chuyện với anh T2. Vừa nói chuyện Nay N3 vừa dùng tay nắm cổ áo anh T2. Lúc này, anh Lương Văn D, anh Ksor N1, anh Trần Xuân L1, anh A N2, anh A Đ, anh Châu Thành T, đang ở cùng lán trại của anh L1 nhìn thấy

nên đi đến. Anh Lương Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300, anh Ksor N1 điều khiển xe mô tô của N1 (không rõ biển số) chở anh L1 đi đến, số còn lại đi bộ phía sau. Ksor T1 đứng ở nhà thì thấy Nay N3 đang xích mích với một nhóm người nên cũng đi bộ đến. Nay N3 xô đẩy rồi dùng tay đấm một phát trúng vùng mắt phải anh L1, anh L1 dùng tay đấm lại một phát vào mặt N3. Q cũng đi đến đấm một phát vào đầu anh L1, anh A N2 và những người khác vào can thì A N2 bị Nay N đấm một phát vào sau tai trái. Nay N3 nhặt cục đá lên định ném thì Ksor T1 giật viên đá vứt đi. Anh N1 dắt xe mô tô đi về lại lán trại, anh D, anh L1, anh N2, anh Đ, anh T, anh T2, chị L3, N3 và T1 cũng đi bộ hướng về trại, vừa đi vừa cãi nhau qua lại. Khi cả nhóm đi được khoảng 50m thì anh T đến nói chuyện với Nay N3, khuyên Nay N3 đi về nhưng Nay N không nghe. Anh T bỏ về trại thì bị Nay N3 cầm mũ bảo hiểm đánh một phát trúng vào vùng sau đầu và hai phát trúng vào vùng lưng anh T, anh T bỏ chạy về lán trại, Nay N3 đuổi theo sau. Anh L1 từ trong lán trại đi ra thì bị Nay N3 đấm vào vùng miệng, Nay N3 ném đá về phía nhóm người của anh L1 thì trúng vào bắp tay phải anh N1, bực tức nên anh N1 đi đến dùng tay đấm một phát vào mặt Nay N3. Lúc này, ông Kpă D1 (bố của Ksor T1) điều khiển xe mô tô đi qua trước lán trại thì thấy Ksor T1 ở đó và nghĩ là Ksor T1 bị đánh nên ông D1 dừng lại cầm dao (mang theo xe) đe dọa nhóm người trong lán trại. Anh L1 lấy một cây gỗ dài khoảng 1,2m, đường kính khoảng 4cm ở gần đó, đánh liên tiếp ba phát trúng vào vùng đầu, cẳng tay trái và đùi trái của N3, Nay N3 bỏ chạy về chỗ dựng xe mô tô ban đầu. Ksor T1 đi đến giật lấy dao từ tay ông D1, anh L1 cầm cây đập một phát trúng vào vùng đầu ông D1 gây vết thương bầm tụ máu, anh L1 đập tiếp một phát nữa thì T1 giơ tay lên đỡ nên trúng vào bắp tay phải T1. Trương chụp lấy khúc cây, giằng co với anh L1, anh A H đi đến giật lấy khúc cây thì T1 buông tay ra khiến anh L1 ngã xuống đường. Thấy vậy, anh D quát lớn, thì tất cả dừng lại, ông D1 và T1 đi bộ về nhà, anh L1 và những người khác cũng đi vào lán trại.

Bực tức việc bị nhóm người của anh L1 đánh và thấy xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300 của anh D dựng gần đó cách lán trại khoảng 100m thì Nay N3 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên. Nay N3 đi đến chỗ để xe và ngồi lên xe rồi đạp nổ máy điều khiển về hướng Trung tâm y tế huyện K, còn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81AM-038.50 đi theo sau. Khi N3 lấy xe đi qua khỏi ngã tư, lúc này anh D đứng trước lán trại mới nhìn thấy sự việc N3 điều khiển xe mô tô của anh D bỏ đi.

Khi N3 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 53PC-0300 thì Q rủ đốt xe, N3 đồng ý. Đến đoạn ngã ba đường T với K (cách vị trí lấy xe khoảng 500m), N3 dừng xe trên vỉa hè rồi tháo dây dẫn xăng cho xăng chảy ra ngoài. Quêng đưa bật lửa ga cho N3 thì N3 bật lửa đốt xe. Thấy xe mô tô cháy, Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81AM-038.50 chở N3 bỏ đi về hướng Trung tâm y tế huyện K. Một vài người dân xung quanh thấy xe mô tô bị đốt cháy nên đến dập lửa và trình báo Công an thị trấn P.

Khi ông Kpă D1 về đến nhà, bà Ksor H1 (vợ ông D1) thấy đầu ông D1 chảy máu nên cùng với T1 đến lán trại yêu cầu anh L1 và những người khác chở ông D1 đi cấp cứu. Anh L1, N1, T2 và D đưa ông D1 đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện K. Sau khi sơ cứu xong, anh L1, N1 và T2 ra nhà xe để dắt xe đi về. Thấy nhóm người anh L1 ở trong Trung tâm y tế nên N3 và Q cầm theo mũ bảo hiểm đi bộ đến. Khi anh N1 dắt xe mô tô ra gần đến cổng thì gặp N3 và Q, N3 nói "tại sao hồi nãy lại đánh chúng tôi", anh N1 nói "ừ tôi đánh đó, mày thích gì". Bực tức N3 dùng mũ bảo hiểm đánh một phát thì N1 đưa tay lên đỡ nên trúng vào lòng bàn tay, Q dùng mũ bảo hiểm đánh một phát trúng vào vai trái anh N1. Anh N1 để xe mô tô lại rồi bỏ chạy, N3 và Q cũng bỏ đi.

Ngày 28/8/2024, Công an thị trấn P chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 527/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Trần Xuân L1 Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Xuân L1 tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).

+ Vật tác động: Vật tày.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 528/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Châu Thành T Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Châu Thành T tại thời điểm giám định là 00% (không phần trăm).

+ Vật tác động: Không xác định được.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 529/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Ksor N1 Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Ksor N1 tại thời điểm giám định là 00% (không phần trăm).

+ Vật tác động: Không xác định được.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 530/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của A N2 Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của A N2 tại thời điểm giám định là 00% (không phần trăm).

+ Vật tác động: Không xác định được.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 531/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Ksor Trương Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Ksor T1 tại thời điểm giám định là 00% (không phần trăm).

+ Vật tác động: Không xác định được.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 532/KLTTPY-PYPY ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh P, về việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Kpă D1 Kết luận như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Kpă D1 tại thời điểm giám định là 06% (sáu phần trăm).

+ Vật tác động: Vật có cạnh + Vật tày.

Nay N3 đã làm đơn xin từ chối giám định đối với thương tích của N3 trong vụ việc trên. Nay Nim, ông Trần Xuân L1, anh A N2, anh Ksor N1, anh Châu Thành T, ông Kpă D1 và anh Ksor T1 đều làm đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với người đã gây ra thương tích cho bản thân trong vụ việc trên.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, xác định:

+ Xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát: 53PC-0300, màu đen, số máy: SS50E271636, số khung: SS50290518, có trị giá 2.700.000 đồng.

+ Những hư hỏng của xe mô tô do bị đốt cháy, tổng trị giá thiệt hại 1.600.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định và kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với cây gỗ dài khoảng 1,2m, đường kính khoảng 4cm, Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm thấy.

Đối với viên đá Nay N3 dùng để gây thương tích cho anh Ksor N1, Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm thấy.

Đối với chiếc mũ bảo hiểm mà Nay N3 và R'Ô Q dùng để đánh anh Châu Thành T và anh Ksor N1, N3 và Q trình bày đã làm mất, ở đâu, khi nào không rõ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với R'Ô Q: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Nay N3 không bàn bạc gì với Q nên Q không đồng phạm với N3 về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi chiếm đoạt xe mô tô, Q rủ N3 đốt xe. Q có hành vi xúi giục, đưa quẹt ga cho N3 để N3 thực hiện hành vi đốt xe gây thiệt hại về tài sản là 1.600.000 đồng. Khi thấy xe cháy, Q và N3 bỏ đi, người dân xung quanh đến dập lửa nên Q và N3 chỉ phải chịu trách nhiệm thực tế về phần xe bị đốt cháy. Khi thực hiện hành vi vi phạm N3 và Q đều không có vi phạm hành chính hoặc kết án về tội "Hủy hoại tài sản" mà chưa được xóa án tích nên hành vi của N3 và Q không đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" quy định tại Điều 178 BLHS. Tuy nhiên hành vi "Hủy hoại tài sản" của N3 và Q đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Trưởng Công an huyện K để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Nay N3 và R'Ô Q có hành vi đốt xe mô tô tại khu vực vỉa hè thuộc Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai, tại thời điểm xảy ra vụ việc chỉ có vài người dân sinh sống gần đó biết sự việc và đến dập lửa, vị trí đốt xe cách khu vực nhà dân sinh sống khoảng 25m. Qua xác minh, vụ việc đốt xe mô tô không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực dân cư sinh sống gần đó nên hành vi của N3 và Q không đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự cũng như các tội phạm khác.

Bị cáo Nay N3, ông Trần Xuân L1, anh R'Ô Q và anh Ksor N1 có hành vi đánh người khác gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11%, người bị hại đều làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự nên hành vi của bị cáo N3, ông L1, anh Q và anh N1 không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo N3, ông L1, anh Q và anh N1 đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Trưởng Công an huyện K để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300, người đứng tên đăng ký xe là chị Nguyễn Thị Thu C, năm sinh: 1975, địa chỉ: 7, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (thời điểm đăng ký: 27/12/2000). Qua xác minh, chị C không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 7, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, số mới

là 6 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị C có đăng ký thường trú tại địa chỉ 3 Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên chị Q1 đã bán nhà và đi khỏi địa phương từ năm 2018 cho đến nay. Vào năm 2020, anh Nguyễn Trọng H2 mua xe mô tô này từ một người khác (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng, khi mua anh H2 nhận xe mô tô cùng giấy đăng ký xe. Vào năm 2021, ông Lương Văn D mua lại xe mô tô này từ anh H2 với giá 5.000.000 đồng. Xác định, chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300 là ông Lương Văn D.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nay N3 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị hại vắng mặt không có ý kiến gì.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nay N3 phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: Xử phạt bị cáo Nay N3 từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX: Tuyên tịch thu tiêu hủy những vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) chiếc quẹt ga, 01 (một) con dao. T4 trả lại cho bị cáo Nay Nim 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, đỏ, biển kiểm soát: 81AM-038.50.

Về dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ điều 135 và 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo N3 đồng ý với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh, Điều luật, tình tiết giảm nhẹ, đồng thời đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào ngày 19/8/2024 tại tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bị cáo Nay N3 có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300 của ông Lương Văn D có trị giá 2.700.000 đồng.

Bị cáo Nay N3 đã trực tiếp lén lút, bí mật trộm cắp tài sản của bị hại với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân là đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*. Hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo N3 đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Nay N3 là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này thì bị cáo Nay N3 là người tự khởi xướng và một mình trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N3 là người có nhân thân xấu: Ngày 06/8/2019, bị Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 123/QĐ-XPVPHC về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác với mức phạt số tiền 3.500.000 đồng, ngày 13/9/2019 đã nộp phạt.

Nhưng bị cáo không có tình tiết tăng nặng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số

tiền 3.000.000 đồng, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS áp dụng cho bị cáo.

Ngoài ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn của huyện K, có nhận thức pháp luật hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo N3 mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo chỉ vì bực tức do mâu thuẫn nhỏ nhặt mà đã chiếm đoạt tài sản của bị hại rồi sau đó đem đốt tài sản đã chiếm đoạt được là thể hiện coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn. Nên cần chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và liên quan khác:

Bị hại anh D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, được bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng, vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì về dân sự, nên HĐXX không xem xét đến nữa.

Đối với 01 (Một) cây gỗ dài khoảng 1,2m, đường kính khoảng 4cm; 01 (Một) viên đá Nay N3 dùng để gây thương tích cho anh Ksor N1 thì Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm thấy. Đối với chiếc mũ bảo hiểm mà bị cáo N3 và anh Q dùng để đánh anh T và anh N1, bị cáo N3 và anh Q trình bày đã làm mất, ở đâu, khi nào không rõ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, thu giữ là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với anh R'Ô Q: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N3 không bàn bạc với Q nên Q không đồng phạm với N3 về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi chiếm đoạt xe mô tô, Q rủ N3 đốt xe. Quêng có hành vi xúi giục, đưa quẹt ga cho N3 để N3 thực hiện hành vi đốt xe gây thiệt hại về tài sản là 1.600.000 đồng. Khi thấy xe cháy, Q và N3 bỏ đi, người dân xung quanh đến dập lửa nên Q và N3 chỉ phải chịu trách nhiệm thực tế về phần xe bị đốt cháy. Khi thực hiện hành vi vi phạm N3 và Q đều không có vi phạm hành chính hoặc kết án về tội "Hủy hoại tài sản" mà chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo N3 và anh Q không đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên hành vi "Hủy hoại tài sản" của bị cáo N3 và anh Q đã vi phạm quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Trưởng Công an huyện K để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

Nay N3 và R'Ô Q có hành vi đốt xe mô tô tại khu vực vỉa hè thuộc tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai, tại thời điểm xảy ra vụ việc chỉ có vài người dân sinh sống gần đó biết sự việc và đến dập lửa, vị trí đốt xe cách khu vực nhà dân sinh sống khoảng 25m. Qua xác minh, vụ việc đốt xe mô tô không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực dân cư sinh sống gần đó nên hành vi của N3 và Q không đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự cũng như các tội phạm khác là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Bị cáo Nay N3, ông Trần Xuân L1, anh R'Ô Q và anh Ksor N1 có hành vi đánh người khác gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11%, người bị hại đều làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự nên hành vi của N3, L1, Q và N1 không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo N3, ông L1, anh Q và anh N1 đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Trưởng Công an huyện K để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 53PC- 0300, người đứng tên đăng ký xe là bà Nguyễn Thị Thu C, năm sinh: 1975, địa chỉ: 7, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (thời điểm đăng ký: 27/12/2000). Qua xác minh, bà C không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này, số mới là 6 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 3 Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên bà C đã bán nhà và đi khỏi địa phương từ năm 2018 cho đến nay. Vào năm 2020, anh Nguyễn Trọng H2 mua xe mô tô này từ một người khác (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng, khi mua anh H2 nhận xe mô tô cùng giấy đăng ký xe. Vào năm 2021, ông Lương Văn D mua lại xe mô tô này từ anh H2 với giá 5.000.000 đồng. Nên có căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát: 53PC-0300 là ông Lương Văn D là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo N3 không có nghề nghiệp gì. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nay N3 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Nay N3 09 *(Chín)* tháng tù thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/12/2024.

2. Căn cứ Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc quẹt ga kích thước (7,5 x 1,5x2) cm, đã qua sử dụng và 01 (Một) con dao dài 26,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16,5cm, phần rộng nhất là 5cm, lưỡi dao có mũi nhọn, cán dao bằng nhựa màu xanh dương, dao đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Nay N3: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, đỏ, biển kiểm soát: 81AM-038.50, số khung: RLCUG0610FY064519, số máy: G3D4E072969, có một gương chiếu hậu bên trái, yên xe bị rách, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nay N3 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nay N3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân L1, anh A N2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2025), còn bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Công an h. K;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu HS vụ án, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản